

Bản án số: **238/2022/LH-ST**

Ngày 28/10/2022

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Thanh Nga**

Ông **Lê Văn Bình**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chữ Thị Bích Lệ** - Thẩm tra viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông **Lê Đức Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 127/2022/QĐ - XXST ngày 22 tháng 6 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 79/QĐ - ST ngày 06/7/2022, số 102/QĐ - ST ngày 21/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Như Q**, sinh năm 1993

Chỗ ở hiện nay: Căn hộ 0904 Tòa A6 B City, Khu Đô thị H, phường C 1, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1988

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Hộ chiếu số: 485323643 do Hoa Kỳ cấp

Địa chỉ tại nước ngoài: 452 H.A.B, MS 39530 – 4454 H County, USA

(*Chị Q có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Thành L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh T ngày 13/02/2012. Sau một thời gian chung sống, hai người xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không thể hòa giải được. Tháng 5 năm 2012, anh L quay về Mỹ sinh sống, không liên lạc gì với Chị Q, hai người ly thân từ đấy cho đến nay. Chị Q đã tìm nhiều cách để liên lạc với anh L để xác định rõ mối quan hệ vợ chồng nhưng đều không nhận được thông tin gì từ anh L. Nay, Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Q và anh L không có con chung nên Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nhà ở chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành L có đại chỉ liên lạc duy nhất tại nước ngoài là: 452 H.A.B, MS 39530 – 4454 H County, USA

Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo qui định, anh L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có phản hồi.

* Tại phiên toà Chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu ở trên.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Q là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị Q được ly hôn với anh L. Về con chung, hai người không có con chung. Về tài sản chung, Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến khác nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về quan hệ Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Q có nơi cư trú tại: Căn hộ 0904 Tòa A6 B City, Khu Đô thị H, phường C 1, quận B, thành phố Hà Nội. Bị đơn là anh Nguyễn Thành L có nơi cư trú tại địa chỉ: 452 H.A.B, MS 39530 – 4454 H County, USA. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thực hiện ủy thác tổng đạt các văn bản tố tụng và yêu cầu cung cấp lời khai đối với anh Nguyễn Thành L thông qua ủy thác tư pháp cho Công ty ABC Legal tại USA do Bộ Tư Pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo địa chỉ: 452 H.A.B, MS 39530 – 4454 H County, USA theo quy định tại Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự

Đây là trường hợp ly hôn một bên nguyên đơn ở Việt Nam, bị đơn là người ở nước ngoài có địa chỉ liên lạc. Theo kết quả ủy thác, anh L đã nhận được thông báo về lịch làm việc các phiên họp và lịch xét xử của Tòa án (do bà Nguyễn N là mẹ đẻ của anh L, sinh sống cùng địa chỉ nhận và cam kết giao cho anh L các văn bản tố tụng của Tòa án). Tòa án đã hoãn phiên họp 2 lần và mở lại phiên toà 2 lần Tuy nhiên, anh L không có mặt tại Toà án, không phản hồi về yêu cầu ly hôn của Chị

Q. Căn cứ Khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

[2.1]. **Về tình cảm:** Chị Q và anh L kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Sở Tư pháp, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/02/2012. Sau một thời gian chung sống, hai người xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không thể hòa giải được. Tháng 5 năm 2012, anh L quay về Mỹ sinh sống, không liên lạc gì với Chị Q, hai người sống ly thân cho đến nay. Bản thân Chị Q đã tìm nhiều cách để liên lạc với anh L để xác định tình cảm vợ chồng nhưng anh L không có phản hồi. Nay, Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị Q và anh L đã đến mức trầm trọng do thời gian ly thân đã quá lâu, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Q đối với anh L.

[2.2]. **Về con chung:** Chị Q và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. **Về tài sản chung:** Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án thì Chị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Chị Q và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273; Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 476, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Q đối với anh Nguyễn Thành L. Chị Q được ly hôn anh L.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0000174 ngày 04/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Như Q có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam